

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ : Diên Tân - Diên Khánh - Khánh Hòa

Tel: (0258).3783.359- Fax: (0258).3783.572

Website: <http://www.vikoda.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA Năm báo cáo : 2019

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 4200283916
- Vốn điều lệ : 119.999.880.000 VND (Một trăm mười chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu 119.999.880.000 VND (Một trăm mười chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng)
- Địa chỉ: xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại : (0258) 378.3359
- Số fax : (0258) 378.3572
- Website: vikoda.com.vn
- Mã cổ phiếu: VKD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hoà (tên cũ trước ngày 01/3/2019 là Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hoà - FIT Beverage), tiền thân là Xí nghiệp nước khoáng Diên Khánh được thành lập vào ngày thuộc địa bàn xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà,

Ngày 07/09/1995 Xí nghiệp được đổi tên thành “Công ty nước khoáng Khánh Hoà” theo quyết định số 134/QĐ UB của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà

Với phương thức kinh doanh đa dạng hoá sản phẩm, từ năm 1991 công ty đã không ngừng đổi mới công nghệ, hoàn thiện dây chuyền sản xuất hiện đại. Với phương châm “Chất lượng vì cuộc sống”, các loại sản phẩm của công ty đã được tổ chức quốc tế QMS đánh giá cao và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9002 vào năm 2000 và đến nay đã nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2015.

Ngày 27/01/2006 UBND Tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định số 190/QĐ-UB chuyển Công ty Nước khoáng Khánh Hòa thành Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa. Ngày 9/6/2006 Công ty CP nước khoáng Khánh Hoà chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi là Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hoà; từ ngày 01/2/2017 tên Công ty thay đổi thành Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa - FIT Beverage, từ ngày 01/3/2019 Công ty thay đổi tên lại như trước đây là **Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa**.

Nhờ đổi mới công nghệ sản xuất nên chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm đa dạng, mẫu mã cải tiến phù hợp với người tiêu dùng, hiện nay Công ty CP Nước Khoáng Khánh Hoà đã có hơn sản phẩm với chủng loại và mẫu mã đa dạng.

Hiện nay, công ty có trụ sở chính đóng tại Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VKD theo Quyết định số 467/QĐ - SGDHN ngày 13/8/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; ngày giao dịch chính thức là 12/4/2010 với giá trị đăng ký giao dịch là 21.600.000.000 VND, tương ứng 2.160.000 cổ phiếu; số lượng đăng ký giao dịch bổ sung là 9.839.988 cổ phiếu, ngày giao dịch chính thức đối với chứng khoán đăng ký bổ sung là ngày 11/11/2016. Tổng số lượng cổ phiếu VKD đang lưu hành là 11.999.988 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND /cổ phiếu

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh** : chủ yếu là sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng

- **Địa bàn kinh doanh** : chủ yếu trong nước, sản phẩm của Công ty có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước Các thị trường chủ lực của Công ty gồm : Khánh Hòa, Đà Nẵng, Đắk Lắk

3- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý : Cơ cấu tổ chức của công ty được thực hiện theo mô hình công ty cổ phần gồm các bộ phận sau:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty

Hội đồng quản trị:

- Là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định

- Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

Ban kiểm soát: Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty

Ban điều hành: do HĐQT bổ nhiệm , gồm có 01 Tổng Giám đốc, 01 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT, có quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc .

Tham mưu giúp việc cho các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ cho Giám đốc bao gồm phòng nghiệp vụ chuyên môn chính là :

- + Phòng Hành chính - Nhân sự
- + Phòng Kế toán -Tài chính
- + Phòng Mua hàng
- + Phòng Kỹ thuật
- + Phòng Quản lý chất lượng
- + Phòng Hậu cần (Logisttics)
- + Phòng Marketing
- + Phòng Tác nghiệp Kinh doanh
- + Phòng sản xuất

Các phân xưởng sản xuất của Công ty bao gồm :

- + Phân xưởng sản xuất sản phẩm thủy tinh, lon và nước ngọt các loại ;
- + Phân xưởng sản xuất sản phẩm bình galon;
- + Phân xưởng sản xuất sản phẩm Vikoda

Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con : không có

+ Công ty liên kết : Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt (được đổi tên ngày 22/11/2019 từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nghệ An , Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901365666 thay đổi lần 10, vốn điều lệ 150 tỷ VND (tương đương 15.000.000 cổ phiếu) Hoạt động chủ yếu của công ty là xây dựng chuyên dụng

4- Định hướng phát triển :

4.1 - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- Đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch về các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như: doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động, cổ tức, nộp ngân sách
- Đảm bảo việc làm và thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, hoàn thành tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước và cộng đồng

4.2- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Chiến lược trung hạn:

- Có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Đầu tư bổ sung và đổi mới công nghệ các máy móc, thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất

Chiến lược dài hạn:

- Nghiên cứu đổi mới cơ cấu tổ chức ; tăng cường công tác quản lý, điều hành sản xuất của công ty cho phù hợp với sự hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.
- Đầu tư phát triển mở rộng sản xuất theo hướng đa dạng hóa ngành nghề có tính chọn lọc, tập trung ưu tiên đầu tư các ngành nghề là thế mạnh của Công ty

4.3- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

- *Đối với môi trường* : Phương châm hoạt động của Công ty là phát triển hướng tới sự bền vững Công ty luôn chủ động trong việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả, bảo vệ môi trường, sử dụng nguồn nguyên vật liệu an toàn cho môi trường, đồng thời Công ty cũng đã xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải
- *Đối với xã hội và cộng đồng* : Công ty luôn đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn cán bộ - công nhân viên, đóng góp các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, đóng góp xây dựng các công trình quan trọng tại địa phương.

5- Các rủi ro :

- *Rủi ro về kinh tế* : Mặc dù trong năm qua tình hình kinh tế thế giới và trong nước dần dần ổn định sau đợt suy thoái kéo dài nhiều năm liền, tuy vậy vẫn tiềm ẩn một số rủi ro như tiến trình xử lý nợ xấu chuyển biến chậm sẽ làm ảnh hưởng đến niềm tin của các nhà đầu tư, kinh tế tăng trưởng thấp sẽ tạo áp lực phải nới lỏng hơn nữa chính sách tiền tệ ,tỷ lệ lạm phát có khả năng tăng lên

- *Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào* : tình hình giá nguyên liệu đầu vào vẫn chưa ổn định, đã làm ảnh hưởng khá lớn đối với chính sách giá bán của Công ty vì phải vừa đảm bảo có lãi, vừa giữ được khách hàng .

- *Rủi ro cạnh tranh và thị trường* : Thị trường nước giải khát ngày càng đa dạng, phức tạp, nhiều chủng loại và giá cả chênh lệch nhau nhiều làm cho người tiêu dùng khó phân biệt được sản phẩm nào có chất lượng và giá cả phù hợp, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt làm cho việc giữ và phát triển thị trường khó khăn hơn

II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:

1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Doanh thu thuần đạt 289,99 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 20,26 tỷ đồng . Các thị trường chủ lực của Công ty gồm Đà Nẵng , Đắk Lắk , Khánh Hòa .
- Sản phẩm chủ yếu của Công ty là nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng (nước ngọt, nước tăng lực) đóng chai thủy tinh, chai pet các loại, bình nhựa gallon, gallon
- Nguồn nguyên liệu chính là nước khoáng, các loại nguyên vật liệu khác gồm bao bì ,nhãn, nắp, đường . Nguồn cung cấp chủ yếu là trong nước

2- Tổ chức và nhân sự :

2.1 - Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ :

TT	Họ tên	Chức danh	năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Nhật Hoàng	Tổng Giám đốc	1976	cử nhân QTKD	0	0
2	Nguyễn Văn Trung	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1968	cử nhân kinh tế	0	0
3	Trần Văn Phú	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất	1969	kỹ sư Hóa thực phẩm	0	0

2.2 - Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm :

Họ tên	Chức danh	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm	Ngày hiệu lực
Nguyễn Văn Trung	Giám đốc phụ trách tài chính kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm	15/6/2019

3- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án :

- Các khoản đầu tư lớn : Tổng giá trị đầu tư trong năm 2,76 tỷ đồng , trong đó chủ yếu là đầu tư TSCĐ hữu hình

Tên dự án, thiết bị	Giá trị (tr. đồng)
Sửa chữa nhà làm việc khối Văn phòng	616,50
Mua ô tô 7 chỗ (01 xe) phục vụ công tác	1.047,19
Mua ô tô bán tải phục vụ bán hàng (01 xe)	628,71
Thiết bị phục vụ sản xuất	473,34
Tổng cộng :	2.765,74

- Các Công ty con : không có

- Công ty liên kết : Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt (được đổi tên ngày 22/11/2019 từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nghệ An , Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901365666 thay đổi lần 10, vốn điều lệ 150 tỷ VND (tương đương 15.000.000 cổ phiếu) Hoạt động chủ yếu của công ty là xây dựng chuyên dụng

4- Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Tổng giá trị tài sản	232.003.429.954	263.749.025.875
Doanh thu thuần	216.889.002.715	289.992.655.089
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(114.101.504)	18.734.905.958
Lợi nhuận khác	439.203.283	1.529.503.199
Lợi nhuận trước thuế	294.921.779	20.264.409.157
Lợi nhuận sau thuế	(224.356.194)	16.211.527.326

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ nợ ngắn hạn) + Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho) /nợ ngắn hạn	1,02 0,83	1,37 1,22	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số nợ /Tổng tài sản + Hệ số nợ/ nguồn vốn CSH	0,33 0,50	0,35 0,54	
3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: (GVHB /hàng tồn kho b quân) + Doanh thu thuần /tổng TS:	11,69 0,93	13,51 1,09	
4- Chỉ tiêu khả năng sinh lời + Hệ số LN sau thuế /DT thuần + Hệ số LN sau thuế /vốn CSH + Hệ số LN sau thuế/ tổng TS + Hệ số LN từ hoạt động KD /doanh thu thuần	-0,0010 -0,0014 -0,0010 -0,0007	0,055 0,094 0,061 0,064	

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành	: 11.999.988 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	: CP phổ thông (100%)
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 11.999.988 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài : không có

b- Cơ cấu cổ đông: Tổng số cổ đông tại thời điểm là 154 cổ đông

- Theo tỷ lệ sở hữu :

+ Cổ đông sở hữu < 1% vốn điều lệ	: 150 cổ đông, chiếm tỷ lệ 2,95 %
+ Cổ đông sở hữu 1- <5 % vốn điều lệ	: 2 cổ đông, chiếm tỷ lệ 9,09 %
+ Cổ đông sở hữu 5- < 10% vốn điều lệ	: không có
+ Cổ đông sở hữu 10- < 50% vốn điều lệ	: 2 cổ đông, chiếm tỷ lệ 87,96 %
+ Cổ đông sở hữu >50 % vốn điều lệ	: không có

- Theo tư cách pháp nhân :

+ Cổ đông tổ chức trong nước	: 7 cổ đông
+ Cổ đông cá nhân trong nước	: 143 cổ đông
+ Cổ đông cá nhân ngoài nước	: 4 cổ đông
+ Cổ đông tổ chức ngoài nước	: không có
+ Cổ đông nhà nước	: không có
+ Cổ đông khác	: không có

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm :

- Vốn CSH đầu năm : 154,943 tỷ đồng
- Vốn CSH cuối năm : 171,155 tỷ đồng.
- Tăng trong năm : 16,212 tỷ đồng

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại : không có

e- Các chứng khoán khác đã thực hiện trong năm :

- Ngày 18/3/2019 bán 230.000 CP Công ty CP Đầu tư Trí Việt (tên mới của Công ty CP Đầu tư và phát triển Nghệ an)
- Ngày 9/12/2019 bán 10.000 CP Công ty CP Đầu tư Trí Việt (tên mới của Công ty CP Đầu tư và phát triển Nghệ an)
- Ngày 9/12/2019 bán 594.000 CP Công ty CP Dược phẩm Amigo
- Ngày 9/12/2019 mua 1.612.000 CP Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam

6- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1- Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Tên NVL	đơn vị tính	Số lượng
Chai nhựa	chai	7.440.479
Chai thủy tinh	chai	1.295.064
Thùng carton	cái	2.166.771
Ga CO2	kg	297.781
Đường RE	kg	1.058.189
Nắp phéng	cái	31.960.426
Nắp nhựa	cái	37.767.925
Nhãn các loại	cái	49.152.559

b) Nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2- Tiêu thụ năng lượng :

- a) Tổng điện năng tiêu thụ trong năm: 3.627.223,21 KW
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 210.000.000 đ (Sử dụng bóng đèn tiết kiệm; lắp biến tần cho các động cơ điện; kế hoạch sản xuất phù hợp)
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3 Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm) :

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước khoáng : 79.685.000 lít
- Nước giếng đã xử lý : 40.515.000 lít

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.5- Chính sách liên quan đến người lao động :**a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động :**

- Tổng số lao động tại thời điểm : 466 người
- Lương bình quân người lao động : 8 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động : Người lao động làm việc không quá giờ ngày; hàng tháng được nghỉ ít nhất 4 ngày, chất lượng suất ăn giữa ca đảm bảo đủ dinh dưỡng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Công ty có Trạm y tế phục vụ công tác cấp phát thuốc và sơ cấp cứu cho CBCNV ; hàng năm người lao động được khám sức khỏe định kỳ đầy đủ; được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động ; tất cả CBCNV được tham gia đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BH thất nghiệp; hàng năm CBCNV được thưởng vào các dịp Lễ, Tết đầy đủ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động :

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên :

- + Công nhân cơ khí bảo trì máy : bình quân 24 giờ/ người /năm
- + Công nhân vận hành thiết bị : bình quân 24 giờ /người/ năm
- + Nhân viên nghiệp vụ các phòng ban : bình quân 16 giờ/ người /năm

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp :

- + Đào tạo nội bộ : Thực hiện 5S trong quản lý và sản xuất; nâng cao kỹ thuật vận hành và bảo trì các loại thiết bị trong sản xuất
- + Đào tạo bên ngoài : Tập huấn nghiệp vụ Quản lý sản xuất, phân tích chất lượng, Kỹ năng quản lý điều hành, nhận thức về năng suất-chất lượng

6.6- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương :

Hàng năm Công ty tham gia đóng góp các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, đóng góp xây dựng các công trình quan trọng tại địa phương Tổng số tiền đóng góp ủng hộ trong năm là 47 triệu đồng.

III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước trong năm vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên trong năm qua Công ty đã có những giải pháp đúng đắn, hợp lý trong kinh doanh nên trong năm Công ty vẫn đạt được mục tiêu về doanh thu và phát triển thị trường. Những thị trường chủ lực của Công ty gồm : Đà Nẵng; Đắk Lắk; Khánh Hoà...

2- Tình hình tài chính :**a) Tình hình tài sản :**

- Tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 263,75 tỷ đồng, tăng 31,75 tỷ đồng so với năm 2018, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 40,88 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 9,1 tỷ đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2019 là 92,59 tỷ đồng, so với năm 2018 tăng 15,59 tỷ đồng.
- Các khoản nợ xấu : không có

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý : Trong năm 2019 Công ty đã rà soát sửa đổi và ban hành mới nhiều quy chế, quy định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty. Hệ thống các quy chế quy định của Công ty đang từng bước phát huy tác dụng tốt trong công tác quản lý.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai: Năm 2020 Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp và đại tu một số thiết bị phục vụ sản xuất ; Về sản phẩm, Công ty sẽ nghiên cứu thêm nhiều sản phẩm mới phù hợp nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng.

IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Nhìn chung tình hình kinh tế năm 2019 có cải thiện so với năm 2018 nhưng nền kinh tế vĩ mô vẫn còn nhiều khó khăn thử thách đối với doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp trong ngành nước giải khát. Mặc dù chưa đạt được các mục tiêu đã đề ra về doanh thu và lợi nhuận, tuy nhiên Công ty cũng đã có tăng trưởng về doanh thu và từng bước ổn định thị phần, đặc biệt là lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng đáng kể.

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, thực hiện tốt mọi chỉ đạo của HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, giữ được thị trường.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020 :

- Trước tình hình dịch Covid 19 ảnh hưởng nghiêm trọng nền kinh tế toàn cầu và với diễn biến phức tạp như hiện nay, chắc chắn việc đảm bảo doanh thu và lợi nhuận bằng năm 2019 cũng là một thách thức; Tuy vậy Công ty cũng đặt ra mục tiêu SXKD năm 2020 như sau :

+ Doanh thu : 352,57 tỷ đồng, tăng 21,5% so thực hiện năm 2019

+ Lãi trước thuế : 28,18 tỷ đồng, tăng 39% so thực hiện năm 2019

- Về công tác sản xuất, kinh doanh : HĐQT sẽ chỉ đạo tập trung đảm bảo sản xuất ổn định, duy trì các thị trường chủ lực, mở rộng các thị trường còn tiềm năng

- Về tài chính : HĐQT sẽ có chỉ đạo, định hướng phù hợp, sử dụng từng khoản chi sao cho hiệu quả nhất, đảm bảo tài chính lành mạnh, sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

V- QUẢN TRỊ CÔNG TY

1- Hội đồng quản trị :

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ tên	Chức danh trong HĐQT Công ty	tỷ lệ cổ phần sở hữu, đại diện	TV độc lập không điều hành	chức danh tại tổ chức, Công ty khác

	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu : 0 Đại diện : 0		Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn F. I. T Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Dược phẩm Cửu Long Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Dũng Tâm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây Chủ tịch HĐQT Công ty CP FIT Consumer Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hạt giống TSC Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công ty Giống Cây trồng Nông Tín Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Thiết bị Y tế Benovas Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Thuốc ung thư Benovas Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP dược phẩm Benovas Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty dược phẩm Euvipharm
	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	thành viên HĐQT	Sở hữu : 0 Đại diện : 0		- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn F.I.T ; - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư nông nghiệp Cần Thơ; - Thành viên HĐQT Công ty CP Dược phẩm Cửu Long. - Thành viên HĐQT Công ty CP dược phẩm Benovas - Thành viên HĐQT Công ty CP FIT Consumer - Thành viên HĐQT Công ty CP Hạt giống TSC - Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Dũng Tâm - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây - Thành viên HĐQT Công ty Westfood Hậu Giang - Thành viên HĐQT Công ty CP Giống Cây trồng Nông Tín - Thành viên HĐQT Công ty CP dược phẩm Euvipharm
	Đỗ Thế Cao	thành viên HĐQT	Sở hữu : 0 Đại diện : 0	x	Chuyên viên Tài chính Công ty CP Tập đoàn F. I. T Thành viên HĐQT Công ty CP Dược phẩm Cửu Long

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm :

Trong năm HĐQT duy trì chế độ họp thường xuyên để nghe Ban điều hành báo cáo công việc, đồng thời có phương án chỉ đạo kịp thời cho công tác sản xuất của Công ty HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Trong thành phần HĐQT Công ty (thành viên) không có thành viên hoạt động độc lập không trực tiếp điều hành.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2- Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Phan Thị Hòa	Trưởng Ban	0
2	Lê Hồng Phượng	Thành viên	0
3	Ninh Thị Phương	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Phối hợp làm việc với Hội đồng quản trị và Ban điều hành góp phần thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.
- Xem xét hệ thống văn bản pháp lí của Công ty và việc tuân thủ các quy định pháp luật Nhà nước

Thông qua hoạt động kiểm soát năm tài chính 2019, Ban Kiểm Soát đánh giá như sau:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng các quy định pháp luật, quy chế và Điều lệ Công ty
- Hội đồng quản trị đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, bám sát các diễn biến của nền kinh tế để đưa ra những quyết định đúng đắn và phù hợp nhằm triển khai tốt các mục tiêu Đại hội đồng Cổ đông đề ra.
- Hệ thống tổ chức kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam Báo cáo Tài chính được kiểm toán theo quy định
- Công ty đã quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực khác đúng mục đích và phát triển theo nhu cầu cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh .

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý:

Tiền lương (bình quân):

- Tổng Giám đốc : 162.200.000 đồng /tháng
- Phó Giám đốc, Kế toán trưởng : 34.124.500 đồng /tháng
- Trưởng phòng : 20.019.280 đồng /tháng

Thù lao HĐQT, BKS : Được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019, tổng số trích là 216.000.000 đồng .Mức phân phối như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT, Trưởng BKS : 3.500.000 đồng/người/ tháng
- Thành viên BKS : 2.000.000 đồng/ người/ tháng

Tiền thưởng (thưởng hiệu quả kinh doanh năm 2019) :

Bộ phận	Số tiền thưởng
1- Ban Giám đốc	2.770.193.128
2- Phòng HCNS và các bộ phận trực thuộc	251.727.450
3- Phòng Kế toán- Tài chính	93.456.000
4- Phòng Mua hàng	86.317.500
5- Phòng Sản xuất	264.834.600
6- Phòng Kỹ thuật-cơ điện	147.058.908
7- Phòng QA/QC	111.433.275
8- Phòng Hậu cần (Logistics)	204.769.500
9- Phòng Marketing	128.465.000
10- Phòng Kinh doanh	98.260.000
11- Giám đốc Kinh doanh Vùng (RSM)	330.000.000
12- Giám đốc Kinh doanh khu vực (ASM)	372.781.313
13- Quản lý bán hàng	713.552.057
14- Nhân viên bán hàng	665.919.463
15- Công nhân trực tiếp sản xuất	613.397.917
Tổng cộng :	6.852.166.112

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xin vui lòng xem toàn văn báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán bởi Công ty kiểm toán VACO trên website vikoda.com.vn)

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Xác nhận của người
đại diện theo pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc



Nguyễn Nhật Hoàng